

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐƠN DƯƠNG  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/DS-ST  
Ngày: 02/3/2021.  
Về việc “Tranh chấp hợp  
đồng dân sự vay tài sản”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG – TỈNH LÂM ĐỒNG**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thành Luân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Hiến.

2. Ông Nguyễn Hoàng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Lành – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2020/QĐXXST-DS ngày 22/9/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2021/QĐST-DS ngày 29/01/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1957. Cư trú tại: số 174, thôn K, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông Ya TN, sinh năm 1985; bà ML, sinh năm 1991; Cùng cư trú tại: Thôn K, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3. Người làm chứng: Ông YH, bà MS; cùng cư trú tại: Thôn R, xã T, huyện Đ.

*Bà Nguyễn Thị T có mặt, các đương sự khác và người làm chứng vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Ngày 17/07/2018 vợ chồng ông Ya TN và bà ML có đến nhà bà T mượn số tiền 300.000.000đ với thời hạn 03 ngày để đáo hạn nợ ngân hàng, đến ngày 22/08/2018 ông Ya TN đã trả được 276.000.000đ nên còn nợ lại 24.000.000đ; Ngày 17/01/2019 ông Ya TN và bà ML mượn của bà T 225.000.000đ với thời hạn 10 ngày để đáo hạn nợ ngân hàng, hẹn đến ngày 27/01/2014 sẽ trả; Ngày 16/05/2019 ông Ya TN và bà ML lại tiếp tục đến nhà bà T mượn thêm

1.643.700.000đ để đáo hạn nợ ngân hàng, thời hạn trả nợ đến ngày 22/05/2019. Đối với các lần vay các bên đều viết giấy mượn tiền, không có thỏa thuận về lãi. Từ sau khi hết hạn trả nợ cho đến nay bà T nhiều lần yêu cầu nhưng vợ chồng ông Ya TN, bà ML không trả cho bà T. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Ya TN, bà ML trả số tiền nợ gốc theo các giấy mượn tiền ngày 17/7/2018, 17/01/2019 và 16/5/2019, tổng cộng nợ gốc là 1.892.700.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Theo bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án bị đơn ông Ya TN trình bày: Trên thực tế ông Ya TN chỉ vay của bà T số tiền 300.000.000đ theo giấy mượn tiền ngày 17/7/2018, số tiền này ông đã trả được 276.000.000đ vào ngày 22/08/2018, chỉ còn nợ bà T 24.000.000đ. Đối với khoản nợ 225.000.000đ theo giấy mượn tiền ngày 17/01/2019 thì ông cũng không vay của bà T, lý do ông viết giấy mượn tiền là để xác nhận khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền số tiền 1.000.000.000đ vay chung với vợ chồng ông YH, trong đó phần nợ gốc của ông Ya TN là 500.000.000đ ông đã trả đủ cho bà T. Về khoản nợ 1.643.700.000đ thực tế ông cũng không vay mà do bà T yêu cầu ông cộng gộp các khoản nợ tính đến ngày 16/5/2019. Ông cho rằng các khoản vay nói trên là để cho người khác mượn lại, ông cũng thừa nhận tất cả các giấy mượn tiền đều do ông tự viết ra và ký, do bà T yêu cầu cả vợ chồng ký nên ông đã tự ý ký tên “ML” vợ ông vào các giấy mượn tiền. Đối với yêu cầu của bà T về việc trả nợ gốc 1.892.700.000đ và tiền lãi ông không đồng ý vì số tiền nợ gốc không đúng, bà T tính lãi quá cao và cộng vào nợ gốc.

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ bà ML trình bày: Việc vay mượn giữa bà T và ông Ya TN thì bà không biết, không tham gia. Bà chỉ biết giữa ông Ya TN và bà Nguyễn Thị T có quan hệ vay mượn, các khoản tiền đó ông Tiến sử dụng để làm dịch vụ đáo hạn ngân hàng và phần lợi tức phát sinh ông Tiến cũng đóng góp cho sinh hoạt gia đình và đầu tư làm vườn. Chữ ký “ML” trong các giấy mượn tiền bà T cung cấp không phải do bà ký hoặc viết ra. Do đó, bà không đồng ý trả nợ gốc, nợ lãi theo yêu cầu của bà T.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu vợ chồng ông Ya TN, bà ML trả số tiền nợ gốc 1.892.700.000đ và không yêu cầu tính lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật còn bị đơn nhiều lần vắng mặt đã không chấp hành đúng các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương

sự; Về nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn vợ chồng ông Ya TN, bà ML có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc 1.892.700.000đ và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc tính lãi suất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, yêu cầu vợ chồng ông Ya TN, bà ML, cư trú tại Thôn K, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng trả số tiền nợ gốc 1.892.700.000đ và lãi suất theo quy định pháp luật. Đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Ya TN, bà ML và những người làm chứng ông YH, bà MS đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 3 Điều 228, Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung cần giải quyết của vụ án:

[2.1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ thể hiện bà Nguyễn Thị T khởi kiện ông Ya TN, bà ML yêu cầu trả nợ theo các giấy mượn tiền ngày 17/7/2018, 17/01/2019 và 16/5/2019 nên xác định đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

[2.2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng quan hệ vay mượn giữa các bên là có xảy ra trên thực tế, chỉ không thống nhất về các lần vay tiền cũng như việc cộng gộp các khoản nợ và về việc có tính lãi hay không. Khoản nợ gốc 1.892.700.000đ thể hiện qua các giấy mượn tiền ngày 17/7/2018 là 24.000.000đ (ông Ya TN đã trả được cho bà T số tiền 276.000.000đ vào ngày 22/08/2018) các bên đều thừa nhận số tiền này; Đối với khoản tiền 255.000.000đ theo giấy mượn tiền 17/01/2019 ông Ya TN, bà ML không thừa nhận và cho rằng đây là lãi phát sinh từ khoản vay 1.000.000.000đ vay chung với vợ chồng ông YH và bà MS; Về khoản tiền 1.643.700.000đ ông Ya TN cho rằng trên thực tế không vay nhưng cũng thừa nhận rằng đây là sự cộng gộp tất cả các khoản nợ tính đến thời điểm viết giấy mượn tiền ngày 16/5/2019, đồng thời cũng không nhớ rõ có cộng gộp số tiền 255.000.000đ theo giấy mượn tiền 17/01/2019 vào khoản nợ này hay không.

Qua kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối chất giữa các bên, ông Ya TN thừa nhận các giấy mượn tiền ngày 17/7/2018, 17/01/2019 và 16/5/2019 đều do ông tự viết và ký, không có chứng cứ để chứng minh bà T ép

buộc ông viết các giấy nợ này để xác định nghĩa vụ trả tiền lãi cho các khoản vay khác, cũng không giải trình được về cách tính lãi đối với từ khoản cụ thể và việc bà T cộng gộp những khoản nợ nào. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Ya TN, bà ML nhiều lần yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký trong các giấy mượn tiền nhưng không nộp chi phí tố tụng nên không có cơ sở để giải quyết yêu cầu thu thập chứng cứ nêu trên. Do đó, việc bà Nguyễn Thị T căn cứ vào các giấy mượn tiền ngày 17/7/2018, 17/01/2019 và 16/5/2019 để yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc 1.892.700.000đ là có cơ sở.

[2.3] Về lãi suất: Tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi theo quy định của pháp luật.

[2.4] Về xác định nghĩa vụ trả nợ: Khoản nợ 1.892.700.000đ hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa ông Ya TN và bà ML. Mặc dù bà ML khẳng định không tham gia vào các giao dịch vay mượn đối với bà T nhưng lại thừa nhận rằng có biết đến quan hệ vay mượn giữa ông Ya TN và bà Nguyễn Thị T, số tiền vay được hoặc lợi tức phát sinh đều được bổ sung vào nguồn vốn của gia đình để phục vụ sinh hoạt và đầu tư làm vườn. Như vậy, có cơ sở để xác định các khoản vay của ông Ya TN với bà Nguyễn Thị T là nợ chung của vợ chồng nhằm mục đích phục vụ sinh hoạt thiết yếu của gia đình, để duy trì, phát triển khối tài sản chung của vợ chồng nên ông Ya TN và bà ML phải có trách nhiệm liên đới trong việc trả khoản nợ này cho bà Nguyễn Thị T.

Từ những nhận định, phân tích nêu trên, cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông Ya TN, bà ML có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc tổng cộng là 1.892.700.000đ.

[2.5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bị đơn ông Ya TN, bà ML phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[3] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244; các Điều 229, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 288, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử:

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T: Buộc bị đơn vợ chồng ông Ya TN, bà ML có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc 1.892.700.000đ (một tỷ tám trăm chín mươi hai triệu bảy trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

1.2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu vợ chồng ông Ya TN, bà ML thanh toán tiền lãi theo quy định của pháp luật tương ứng với số tiền nợ gốc 1.892.700.000đ.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Buộc vợ chồng ông Ya TN, bà ML phải nộp 68.781.000đ (sáu mươi tám triệu bảy trăm tám mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Võ Thành Luân**